

CƠ PHÂN CHẢO BÁN THUỘC SỞ HỮU CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG. ĐÂY KHÔNG PHẢI LÀ ĐỢT CHẢO BÁN CỔ PHẦN ĐỂ HUY ĐỘNG VỐN MÀ CHỈ LÀM THAY ĐỔI TỶ LỆ SỞ HỮU TRONG CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ KHÔNG LÀM THAY ĐỔI MỨC VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ ĐĂNG KÝ. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG KHUYẾN CÁO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ THAM KHẢO CÁC THÔNG TIN CỦA CÔNG TY ĐÃ CÔNG BỐ, ĐỌC KỸ QUY CHẾ BÁN ĐẤU GIÁ, BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN NÀY VÀ CÁC TUYÊN BỐ VỀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN THAM GIA TRƯỚC KHI QUYẾT ĐỊNH ĐĂNG KÝ ĐẤU GIÁ.

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

VỀ VIỆC CHUYỂN NHƯỢNG VỐN CỔ PHẦN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG ĐẦU TƯ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Bản công bố thông tin này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:



Công ty cổ phần Điện nước An Giang

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

Website: www.diennuocag.com.vn



Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

Địa chỉ: Tầng 2 và tầng 3 Toà nhà 468 Nguyễn Thị Minh Khai, P.2, Q.3, TP. HCM

Website: www.dag.vn



Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Số 16 Võ Văn Kiệt, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Website: www.hsx.vn

Phụ trách công bố thông tin về đợt chào bán:

- Họ và tên: Ông **Lương Văn Bạ**
- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Điện nước An Giang

CƠ PHÂN CHẢO BẢN THUỘC SỞ HỮU CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG. ĐÂY KHÔNG PHẢI LÀ ĐỢT CHẢO BẢN CƠ PHÂN ĐỂ HUY ĐỘNG VỐN MÀ CHỈ LÀM THAY ĐỔI TỶ LỆ SỞ HỮU TRONG CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ KHÔNG LÀM THAY ĐỔI MỨC VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ ĐĂNG KÝ. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG KHUYẾN CÁO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ THAM KHẢO CÁC THÔNG TIN CỦA CÔNG TY ĐÃ CÔNG BỐ, ĐỌC KỸ QUY CHẾ BÁN ĐẤU GIÁ, BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN NÀY VÀ CÁC TUYÊN BỐ VỀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN THAM GIA TRƯỚC KHI QUYẾT ĐỊNH ĐĂNG KÝ ĐẤU GIÁ.

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

VỀ VIỆC CHUYỂN NHƯỢNG VỐN CỔ PHẦN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG ĐẦU TƯ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Bản công bố thông tin này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:



Công ty cổ phần Điện nước An Giang

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

Website: www.diennuocag.com.vn



Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

Địa chỉ: Tầng 2 và tầng 3 Toà nhà 468 Nguyễn Thị Minh Khai, P.2, Q.3, TP. HCM

Website: www.dag.vn



Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Số 16 Võ Văn Kiệt, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Website: www.hsx.vn

Phụ trách công bố thông tin về đợt chào bán:

- Họ và tên: Ông **Lương Văn Bạ**
- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Điện nước An Giang

MỤC LỤC

I. TỔ CHỨC CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	4
1. Tổ chức là chủ sở hữu vốn chuyển nhượng	4
2. Tổ chức có cổ phiếu được thoái vốn	4
3. Tổ chức tư vấn.....	4
II. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT.....	5
III. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC LÀ CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG.....	6
1. Giới thiệu về Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.....	6
2. Mối quan hệ với công ty cổ phần có vốn đầu tư cần chuyển nhượng.....	6
3. Sở cổ phần sở hữu	6
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG	6
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	6
2. Cơ cấu tổ chức của Công ty	10
3. Cơ cấu cổ đông công ty tại thời điểm 30/06/2018	14
4. Hoạt động kinh doanh	14
5. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	17
6. Tình hình tài sản của Công ty.....	19
7. Diện tích đất đai đang quản lý, sử dụng.....	21
8. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo	44
9. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty	44
10. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu thoái vốn	45
11. Các thông tin khác.....	45
V. THÔNG TIN VỀ VIỆC TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN.....	46
1. Loại cổ phần.....	46
2. Mệnh giá	46
3. Tổng số cổ phần dự kiến chuyển nhượng	46
4. Giá khởi điểm đấu giá.....	46
5. Phương pháp/cơ sở tính giá khởi điểm.....	46
6. Phương thức chuyển nhượng vốn	46
7. Doanh nghiệp/Tổ chức đấu giá: Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM.....	47
8. Thời gian thực hiện chuyển nhượng vốn.....	47
9. Thời gian đăng ký mua cổ phần dự kiến	47
10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài.....	47
11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng vốn	47
12. Các loại thuế có liên quan	47

13. Các thông tin khác theo quy định của pháp luật phải công khai khi thực hiện chuyển nhượng vốn	48
VI. MỤC ĐÍCH THOẢI VỐN	50
VII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT THOẢI VỐN	50
1. Tổ chức tư vấn.....	50
2. Tổ chức kiểm toán.....	50
3. Tổ chức thẩm định giá.....	51
VIII. BẢO CÁO CỦA CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG VỀ NỘI DUNG THÔNG TIN TRONG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG.....	51

I. TỔ CHỨC CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Tổ chức là chủ sở hữu vốn chuyển nhượng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Đại diện:

Ông Lương Văn Bạ Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Điện nước An Giang (Căn cứ Quyết định số 1414/QĐ-UBND ngày 25/05/2016 của UBND tỉnh An Giang về việc cử người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty cổ phần Điện nước An Giang)

Ông Lê Thành Bửu Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Điện nước An Giang
(Căn cứ Quyết định số 1415/QĐ-UBND ngày 25/05/2016 của UBND tỉnh An Giang về việc cử người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty cổ phần Điện nước An Giang)

Ông **Lê Việt Anh** Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Điện nước An Giang (Căn cứ Quyết định số 1416/QĐ-UBND ngày 25/05/2016 của UBND tỉnh An Giang về việc cử người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty cổ phần Điện nước An Giang)

Ông **Trần Nhật Trí** Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Điện nước An Giang (Căn cứ Quyết định số 1417/QĐ-UBND ngày 25/05/2016 của UBND tỉnh An Giang về việc cử người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty cổ phần Điện nước An Giang)

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

2. Tổ chức có cổ phiếu được thoái vốn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Đại diện: Ông Lê Thành Bửu

Chức vụ : Tổng Giám đốc

Chúng tôi xác nhận rằng Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang là cổ đông có quyền sở hữu đầy đủ và hợp pháp đối với sở cổ phần chào bán và đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý. Việc chào bán cổ phần này không phải là đợt chào bán để huy động vốn cho Công ty mà chỉ làm thay đổi tỷ lệ sở hữu trong cơ cấu cổ đông và không làm thay đổi mức vốn điều lệ đã đăng ký của Công ty.

3. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY TNHH MTV CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG Á

Đại diện: Ông Dương Thế Quang

Chức vụ: Tổng Giám đốc

(Giấy ủy quyền số 32/2017/UQ-DAS ngày 21/09/2017 của Chủ tịch HĐTV DAS)



Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ thoái phần vốn nhà nước tại Công ty cổ phần Điện nước An Giang do DAS tham gia lập và công bố trên cơ sở Hợp đồng số 39/2017/HĐ/TV/DAS ngày 17/10/2017 ký giữa Công ty cổ phần Điện nước An Giang và Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng Đông Á. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản công bố thông tin này được phản ánh trung thực dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Điện nước An Giang cung cấp. Bản Công bố thông tin này chỉ có giá trị để tham khảo, nhà đầu tư có trách nhiệm tìm hiểu, đánh giá thông tin của doanh nghiệp và chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình.

II. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

Khái niệm/Từ viết tắt	Giải nghĩa
BCTC	Báo cáo tài chính
BKS	Ban kiểm soát
CBCNV	Cán bộ Công nhân viên
CNDKDN	Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
Công ty	Công ty cổ phần Điện Nước An Giang
CTCP	Công ty cổ phần
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
HDLĐ	Hợp đồng lao động
HDQT	Hội đồng quản trị
POWACO	Tên viết tắt của Công ty cổ phần Điện nước An Giang
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
Tổ chức tư vấn	Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á (DAS)
Tổ chức phát hành	Công ty cổ phần Điện nước An Giang
UBND	Ủy ban nhân dân
XN	Xi nghiệp

III. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC LÀ CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG

1. Giới thiệu về Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang

- Tên tổ chức : **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**
- Trụ sở chính : Số 82 Tôn Đức Thắng, P. Mỹ Bình, TP. Long Xuyên, An Giang
- Điện thoại : (0296) 3856.188
- Website : www.angiang.gov.vn

2. Mối quan hệ với công ty cổ phần có vốn đầu tư cần chuyển nhượng

Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang là cổ đông lớn của Công ty cổ phần Điện nước An Giang.

3. Số cổ phần sở hữu

Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang sở hữu 43.853.300 cổ phần, chiếm tỷ lệ 90,12% tổng số cổ phần đã phát hành theo vốn thực góp trong vốn điều lệ.

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1 Giới thiệu về Công ty

- Tổ chức phát hành : **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG**
- Tên tiếng Anh : **An Giang Power And Water Supply Joint Stock Company**
- Tên viết tắt : **POWACO**
- Trụ sở chính : 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
- Điện thoại : (0276) 3856100 Fax: (0276) 3857800
- Website : <http://diennuocag.com.vn/>



- Logo :
- Vốn điều lệ : 486.600.000.000 đồng (Bốn trăm tám mươi sáu tỷ sáu trăm triệu đồng)
- Giấy CNĐKDN : Số 1600249791 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp lần đầu ngày 28/03/2011, thay đổi lần thứ 4 ngày 10/08/2016.
- Công ty cổ phần Điện nước An Giang là Công ty cổ phần đại chúng quy mô lớn, đã đăng ký giao dịch trên sàn Upcom với mã chứng khoán DNA.

- Ngành nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Phân phối, truyền tải điện.	3510 (Chính)
2	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh khách sạn.	5510
3	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí. Chi tiết: Lắp đặt hệ thống bơm, ống nước Chi tiết: Xây dựng các công trình xử lý cấp thoát nước và mạng đường ống cấp thoát nước.	4322
4	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông.	4210
5	Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Chi tiết: Sản xuất phân phối nước sạch Chi tiết: Khai thác và sản xuất nước khoáng.	3600
6	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán vật tư, thiết bị điện nước.	4663
7	Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng.	4312
8	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Mua bán nông sản Chi tiết: Mua bán lương thực.	4620
9	Bán buôn thực phẩm.	4632
10	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản. Chi tiết: Chế biến thủy sản.	1020

STT	Tên ngành	Mã ngành
11	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng Chi tiết: Xây dựng đường dây điện Chi tiết: Xây dựng trạm bơm.	4290
12	Nuôi trồng thủy sản nội địa.	0322
13	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng.	5610
14	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê.	6810
15	Lắp đặt hệ thống điện. Chi tiết: Lắp đặt đường dây trung thế từ 15-35 KV và đường dây hạ thế, trạm biến áp từ 15-3.000 KVA Chi tiết: Lắp đặt hệ thống điện dân dụng và công nghiệp Chi tiết: Lắp đặt điện trong nhà.	4321
16	Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Chi tiết: Đầu tư xây dựng khách sạn Chi tiết: Đầu tư xây dựng các khu vui chơi giải trí Chi tiết: Đầu tư xây dựng nhà hàng.	4100
17	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn lập đề án, báo cáo trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tái nguyên nước.	7490
18	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Kinh doanh các khu vui chơi giải trí.	9329

STT	Tên ngành	Mã ngành
19	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Chi tiết: Sản xuất nước tinh khiết đóng chai.	1104
20	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp. Chi tiết: Lắp đặt thiết bị sử dụng năng lượng mặt trời, pin mặt trời.	3320
21	Sửa chữa máy móc, thiết bị. Chi tiết: Sửa chữa thiết bị sử dụng năng lượng mặt trời.	3312
22	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn thiết bị sử dụng năng lượng mặt trời, pin mặt trời.	4659

1.2 Quá trình hình thành và phát triển

- Tháng 12/1993, Ban quản lý và Phát triển Điện Nông thôn được thành lập trực thuộc Ủy ban Kế hoạch tỉnh An Giang có nhiệm vụ triển khai thi công đường dây cao thế 110KV đến Châu Đốc và đường dây 35KV về đến tất cả các huyện thị. Năm 1995, Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang giao thêm nhiệm vụ phát triển nước sạch nông thôn và đổi tên gọi Ban Quản Lý và Phát triển Điện Nước Nông thôn An Giang;
- Tháng 11/1996, Ban Quản Lý và Phát triển Điện Nước nông thôn An Giang chuyển thành Công ty Điện Nước An Giang với nhiệm vụ cung cấp điện nước phục vụ cho người dân theo Quyết định thành lập Công ty số 1570/QĐ.UBND ngày 18/11/1996 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh An Giang;
- Theo Quyết định số 1242/QĐ-UBND ngày 4/8/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, Công ty Điện nước An Giang tiến hành cổ phần hóa.
- Ngày 25/3/2011, Công ty cổ phần Điện nước An Giang đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất và chính thức hoạt động từ ngày 28/3/2011 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1600249791 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp lần đầu ngày 28/3/2011 với vốn điều lệ là 486.600.000.000 đồng.
- Ngày 16/12/2016, Công ty cổ phần Điện nước An Giang được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận là Công ty Đại chúng.
- Ngày 19/10/2017, Công ty cổ phần Điện nước An Giang chính thức giao dịch trên sàn UPCOM của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (mã chứng khoán DNA).

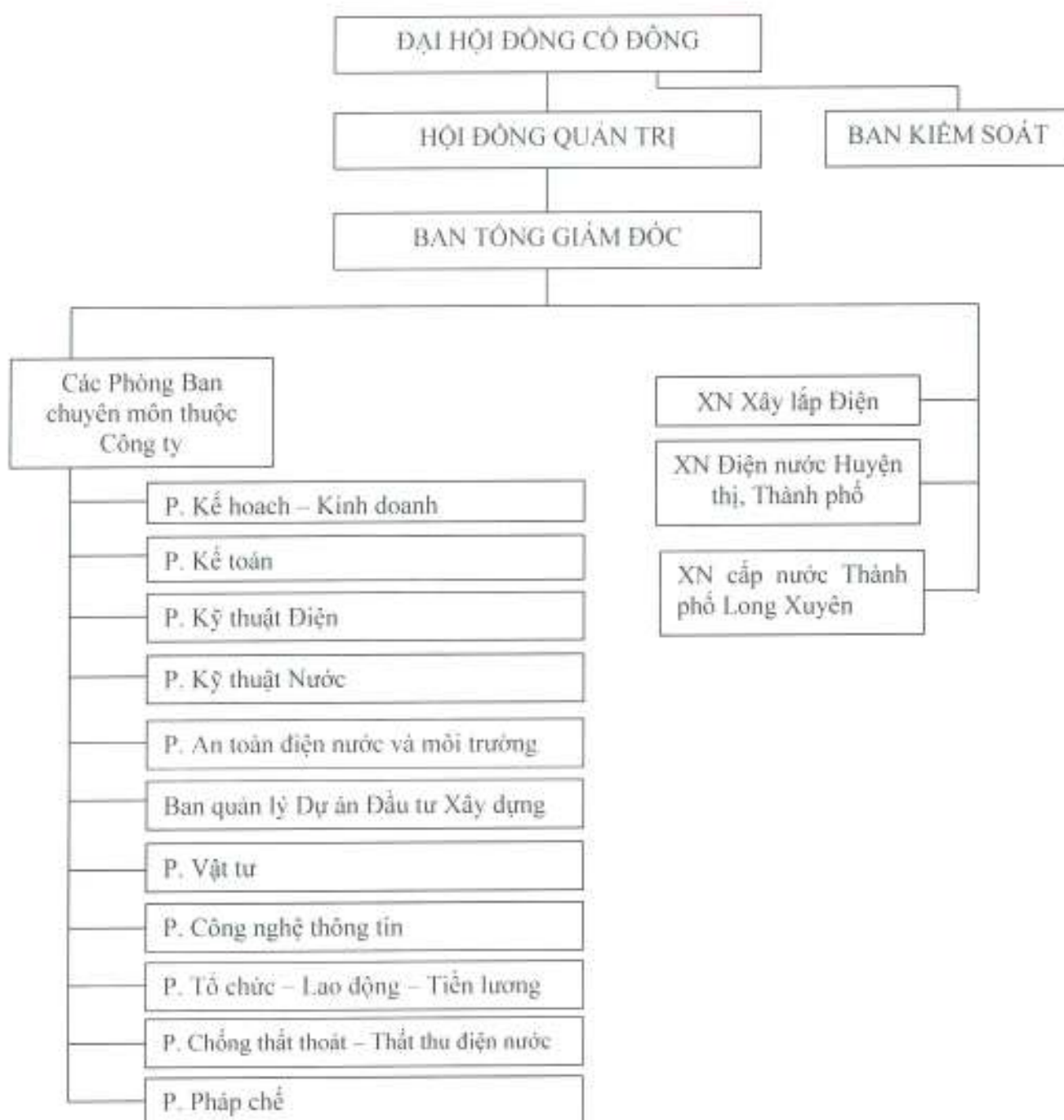
2. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Công ty cổ phần Điện nước An Giang được tổ chức và điều hành theo mô hình Công ty cổ phần, tuân thủ theo:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Luật và các quy định khác có liên quan;
- Điều lệ của Công ty cổ phần Điện nước An Giang đã được ĐHĐCĐ thông qua ngày 26/05/2016

Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty chi tiết được thể hiện theo sơ đồ sau:

HÌNH 1: SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY



2.1 Đại hội đồng cổ đông

ĐHĐCĐ gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. ĐHĐCĐ thường niên được tổ chức mỗi năm 01 lần. ĐHĐCĐ phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trong trường hợp khác, theo đề nghị của HĐQT và được Cơ quan đăng ký kinh doanh chấp thuận thì ĐHĐCĐ thường niên có thể được tổ chức sau 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính nhưng không muộn hơn 6 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2.2 Hội đồng quản trị (HDQT):

HDQT là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty giữa 02 nhiệm kỳ Đại hội đồng cổ đông, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

Số lượng thành viên HDQT Công ty là 07 thành viên, cụ thể như sau:

Ông Lương Văn Bạ	– Chủ tịch HDQT
Ông Lê Thành Bửu	– Thành viên HDQT
Ông Trần Thanh Hoàng	– Thành viên HDQT
Ông Lâm Thành Quang	– Thành viên HDQT
Ông Lê Việt Anh	– Thành viên HDQT
Ông Trần Nhất Trí	– Thành viên HDQT
Ông Nguyễn Tuấn Huy	– Thành viên HDQT

2.3 Ban kiểm soát:

Ban Kiểm soát có 03 (ba) thành viên. Ban Kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu hoặc bãi nhiệm với đa số phiếu biểu quyết bằng thể thức trực tiếp, bỏ phiếu kín. Các thành viên Ban Kiểm soát phải thường trú ở Việt Nam và phải có ít nhất một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.

Ban kiểm soát hiện hành bao gồm các thành viên:

Ông Đặng Chánh Nghĩa	– Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Lê Phúc Nhuận	– Kiểm soát viên
Bà Nguyễn Thị Ngọc Châu	– Kiểm soát viên

2.4 Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Điện nước An Giang do HDQT bổ nhiệm và miễn nhiệm. Ban Tổng Giám đốc là cơ quan điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty, giúp việc cho Chủ tịch HDQT. Chủ tịch HDQT có trách nhiệm điều hành hoạt động của Ban Tổng Giám đốc và có thể giao cho các thành viên trong Ban Tổng Giám đốc thay mặt quản lý, giải quyết hoặc thực hiện bất kỳ công việc Công ty.

Ban Tổng Giám đốc hiện hành bao gồm các thành viên:

Ông Lê Thành Bửu	– Tổng Giám đốc
Ông Lê Việt Anh	– Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Nhất Trí	– Phó Tổng Giám đốc

2.5 Các đơn vị trực thuộc Công ty

Công ty bao gồm 01 Văn phòng, 12 Xí nghiệp trực thuộc và 14 phòng ban thực hiện công việc chức năng theo chuyên môn, được xây dựng theo cơ cấu tinh giản, gọn nhẹ nhưng vẫn đảm bảo cho việc quản lý, tổ chức, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc đạt hiệu quả, năng suất hoạt động cao.

Các Xí nghiệp trực thuộc gồm:

Tên Xí nghiệp	Địa chỉ
Xí nghiệp Điện nước huyện Tịnh Biên	Khóm Hòa Hưng, thị trấn Nhả Bàng, huyện Tịnh Biên, An Giang
Xí nghiệp Điện nước huyện Châu Thành	Quốc lộ 91, thị trấn An Châu, huyện Châu Thành, An Giang
Xí nghiệp Điện nước huyện Phú Tân	Áp Thượng 3, thị trấn Phú Mỹ, huyện Phú Tân, An Giang
Xí nghiệp Điện nước thị xã Tân Châu	Khóm Long Hưng, thị xã Tân Châu, An Giang
Xí nghiệp Điện nước huyện An Phú	Áp 4, thị trấn An Phú, huyện An Phú, tỉnh An Giang
Xí nghiệp Điện nước huyện Thoại Sơn	Áp Bắc Sơn, thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang
Xí nghiệp Điện nước thị xã Châu Đốc	01 Quang Trung, phường Châu Phú A, thị xã Châu Đốc, tỉnh An Giang
Xí nghiệp Điện nước huyện Tri Tôn	Áp Tô Thủy, xã Núi Tô, huyện Tri Tôn, An Giang
Xí nghiệp Cấp nước TP. Long Xuyên	31/1 Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Xuyên, Long Xuyên, An Giang
Xí nghiệp Điện nước huyện Chợ Mới	Áp Long Hòa, thị trấn Chợ Mới, huyện Chợ Mới, An Giang
Xí nghiệp Điện nước huyện Châu Phú	Áp Vĩnh Phú, xã Vĩnh Thạnh Trung, huyện Châu Phú, An Giang
Xí nghiệp Xây lắp điện nước	Đường Bùi Văn Danh, P.Mỹ Xuyên, TP. Long Xuyên, An Giang.

2.6 Danh sách công ty mẹ và công ty con của Công ty

Không có

3. Cơ cấu cổ đông công ty tại thời điểm 30/06/2018**3.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% cổ phần của Công ty**

Stt	Cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang	43.853.300	90,12%
	Tổng cộng	43.853.300	90,12%

Nguồn: POWACO

3.2 Cơ cấu cổ đông của Công ty

STT	Cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Giá trị cổ phần (đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Trong nước	48.657.100	486.571.000.000	99,99%
1.1	Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang	43.853.300	438.533.000.000	90,12%
1.2	Tổ chức khác	1.110.000	11.100.000.000	2,28%
1.3	Cá nhân	3.693.800	36.938.000.000	7,59%
2	Nước ngoài	2.900	29.000.000	0,01%
2.1	Tổ chức	2.900	29.000.000	0,01%
2.2	Cá nhân	0	0	0,00%
	Tổng cộng	48.660.000	486.600.000.000	100,00%

Nguồn: POWACO

4. Hoạt động kinh doanh**4.1 Sản phẩm, dịch vụ kinh doanh chủ yếu**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty cổ phần Điện Nước An Giang là cung cấp điện - nước sạch cho người dân của 2 thành phố, 1 thị xã và 8 huyện thuộc tỉnh An Giang. Bao gồm: Thành phố Long Xuyên và Châu Đốc, Thị xã Tân Châu, huyện An Phú, huyện Châu Phú, huyện Châu Thành, huyện Chợ Mới, huyện Phú Tân, huyện Thoại Sơn, huyện Tịnh Biên, huyện Tri Tôn.

Sản phẩm và dịch vụ kinh doanh chủ yếu của Công ty gồm:

- **Điện dùng cho sinh hoạt và sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:**

Bán lẻ điện, là hoạt động Công ty trực tiếp phân phối điện cho khách hàng sử dụng điện với mục đích sinh hoạt và mục đích kinh doanh dịch vụ. Công ty luôn đảm bảo cấp điện ổn định, liên tục, an toàn cho bên mua điện. Hiện tại, Công ty đang cung cấp điện cho 406.800 khách hàng sử dụng điện mục đích ánh sáng sinh hoạt và 11.600 cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh.

– **Khai thác, xử lý và cung cấp nước:**

Nước sạch của Công ty cổ phần Điện Nước An Giang được sản xuất và quản lý chất lượng theo hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2008. Công ty hiện đang quản lý 161 hệ thống cấp nước có công suất từ 150m³/ngày đến 34.000 m³/ngày đều khắp 11 huyện thị thành bao gồm thành phố, thị trấn, thị xã. Tổng công suất toàn Công ty là 132.000 m³/ngày. Ngoài các hệ thống cấp nước trung tâm ở thị trấn, thị tứ có công suất lớn, các trạm cấp nước xã có công suất từ 150 m³ - 200 m³/ngày đã hình thành nên mạng lưới nước sạch rộng khắp từ thành thị đến nông thôn của Tỉnh An Giang. Hiện nay Công ty đang cung cấp nước cho 441.000 khách hàng sử dụng nước sinh hoạt và 9.700 cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh. Hầu hết các xã, phường, thị trấn của Tỉnh đều đã có hệ thống cấp nước sạch. Các hệ thống cấp nước trung tâm được đầu tư xây dựng từ các nguồn vốn: vay, vốn JBIC. Các trạm cấp nước nhỏ được đầu tư từ nguồn vốn vay, vốn ngân sách, vốn chương trình nước sạch nông thôn.

- **Kinh doanh bất động sản:** Để phát triển kinh tế - xã hội địa phương, UBND TP Châu Đốc đã mời gọi đầu tư xây dựng các hạ tầng cơ sở tại địa phương, trong đó có Dự án khu biệt thự vườn Núi Sam – phường Núi Sam – TP. Châu Đốc. Công ty đã tham gia thực hiện dự án nhằm mục đích góp phần phát triển KT-XH địa phương và để mở rộng ngành nghề, tăng doanh thu, lợi nhuận. Năm 2011, dự án bắt đầu đưa vào khai thác, với tổng số nền là: 162 nền, đến nay Công ty đã bán được 149 nền, đã thu tương đương 46 tỉ đồng (số còn lại phải thu tương đương 26 tỉ đồng); còn lại 13 nền, giá trị tương đương 13 tỉ đồng.

4.2 Cơ cấu doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

DVT: triệu đồng

Doanh thu	Năm 2016		Năm 2017		6 tháng đầu năm 2018	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Kinh doanh điện	967.799	73,16%	1.024.734	73,12%	566.912	74,40%
Cung cấp nước sinh hoạt	330.662	25,00%	351.371	25,07%	184.463	24,21%
Bán vật tư	16.958	1,28%	10.606	0,76%	5.080	0,67%
Kinh doanh bất động sản	3.809	0,29%	10.951	0,78%	3.811	0,50%

Doanh thu	Năm 2016		Năm 2017		6 tháng đầu năm 2018	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Cung cấp dịch vụ	3.548	0,27%	3.836	0,27%	1.752	0,23%
Tổng Cộng	1.322.776	100%	1.401.499	100%	762.018	100%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC soát xét 6 tháng đầu năm 2018 của POWACO

Trong cơ cấu doanh thu của POWACO, doanh thu kinh doanh điện chiếm tỷ trọng lớn nhất, trên 70% doanh thu thuần. Doanh thu kinh doanh nước sạch xếp thứ hai, với tỷ trọng từ 24% - 25% doanh thu thuần. Hoạt động kinh doanh điện và nước có doanh thu chiếm tỷ trọng trên 95% doanh thu thuần của Công ty. Các hoạt động còn lại như bán vật tư, cung cấp dịch vụ, hoạt động tài chính, kinh doanh bất động sản chiếm tỷ trọng thấp.

Doanh thu điện và nước năm 2016 tăng trưởng lần lượt là 10,74% và 14,60% so với năm 2015. Năm 2017, doanh thu điện và nước tăng trưởng lần lượt là 5,88% và 6,26% so với năm 2015.

4.3 Bảo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016 và năm 2017

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% Tăng/ giảm năm 2017 và 2016	30/06/2018
1	Tổng tài sản (*)	1.924.339	2.309.931	20,04%	2.517.824
2	Vốn chủ sở hữu (*)	1.471.513	1.682.773	14,36%	1.838.985
3	Vốn điều lệ	486.600	486.600	0,00%	486.600
4	Doanh thu thuần	1.322.776	1.401.499	5,95%	762.017
5	Lợi nhuận gộp	284.145	297.628	4,75%	162.452
6	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	129.036	129.145	0,08%	74.255
7	Lợi nhuận khác	(221)	6.630	-	1.090
8	Lợi nhuận trước thuế	128.814	135.776	5,40%	75.345
9	Lợi nhuận sau thuế	102.589	108.661	5,92%	60.164
10	Tỷ lệ trả cổ tức	15%	-	0,00%	-

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC soát xét 6 tháng đầu năm 2018 của POWACO

Ghi chú:

(*): Vốn chủ sở hữu của Công ty tại ngày 31/12/2016, 31/12/2017 và ngày 30/06/2018 có bao gồm số dư Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản của các dự án Công ty đang thực hiện từ nguồn vốn ngân sách nhà

mức và vốn vay ODA. Sau khi Công ty hoàn thành đầu tư, Công ty sẽ bàn giao tài sản cho Nhà nước. Vì vậy sau khi bàn giao, Tổng tài sản và Vốn chủ sở hữu của Công ty sẽ giảm xuống tương ứng với giá trị bàn giao cho nhà nước.

Ngoài ra, Vốn chủ sở hữu của Công ty tại ngày 31/12/2016 còn bao gồm khoản Vốn khác của chủ sở hữu với giá trị là 114.478.879.711 đồng. Căn cứ công văn số 2283/UBND-KTTH ngày 29/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang V/v xử lý phần vốn Nhà nước cấp cho Công ty cổ phần Điện nước An Giang sau cổ phần hóa. Công ty được loại ra khỏi giá trị doanh nghiệp nguồn vốn khi xác định giá khởi điểm bán cổ phần, đồng thời Công ty cổ phần Điện nước An Giang hạch toán và xác định đây là khoản nợ phải trả ngân sách. Theo Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017, tại thuyết minh số V.18b của Thuyết minh Báo cáo tài chính, Công ty đã hạch toán Khoản phải trả ngân sách nhà nước là 114.944.692.753 đồng.

Nhìn chung, tình hình hoạt động kinh doanh của POWACO phát triển khá ổn định. So sánh chỉ tiêu doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế của năm 2017 và 2016 đều có xu hướng tăng. Cụ thể, doanh thu thuần đạt gần 1.401,5 tỷ đồng vào năm 2017, tăng 5,95% so với năm 2016, lợi nhuận sau thuế năm 2017 đạt gần 108,6 tỷ đồng tăng hơn 5,92% so với năm 2016 (102,6 tỷ đồng). Bên cạnh đó, tổng tài sản và vốn chủ sở hữu cũng có sự tăng trưởng qua các năm.



Nguyên nhân của sự tăng trưởng trên là do Công ty đã đầu tư phát triển công nghệ, mở rộng qui mô sản xuất, tăng hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó, mạng lưới điện khu vực nông thôn và nước sạch của Công ty đã bao phủ hầu hết trên địa bàn tỉnh An Giang.

5. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2016	31/12/2017
I. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	1,80	0,87
+ Hệ số thanh toán nhanh	lần	1,50	0,71

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2016	31/12/2017
+ Hệ số thanh toán tiền mặt	lần	0,11	0,05
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	23,53	27,15
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	30,77	37,27
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho	lần	19,63	21,37
+ Vòng quay tổng tài sản	lần	0,73	0,66
+ Vòng quay tài sản cố định	lần	1,60	1,72
+ Vòng quay các khoản phải thu	lần	10,75	10,46
+ Vòng quay các khoản phải trả	lần	8,25	5,25
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	7,76%	7,75%
+ Hệ số lợi nhuận Gộp/ Doanh thu thuần	%	21,48%	21,24%
+ Lợi nhuận từ HĐKD/ Doanh thu thuần	%	9,75%	9,21%
+ Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	7,46%	6,89%
+ Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	5,63%	5,13%
+ Thu nhập trên cổ phiếu (EPS)	đồng/cp	1.806	1.906
+ Giá trị sổ sách của cổ phần	Đồng/cp	15.319	13.093

Nguồn: BCTC năm 2016 và 2017 đã kiểm toán, DAS tổng hợp

Ghi chú: Khi tính Giá trị sổ sách của cổ phần, Công ty đã loại trừ giá trị Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản ra khỏi Vốn chủ sở hữu do đây là nguồn vốn của ngân sách cấp cho Công ty để thực hiện công trình.

❖ Khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn:

Hệ số thanh toán ngắn hạn trong năm 2017 là 0,87 lần và giảm 51,39% so với năm 2016, chứng tỏ khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn của Công ty thấp, tức là 1.000 đồng nợ ngắn hạn được đảm bảo bởi 870 đồng tài sản ngắn hạn mà doanh nghiệp đang có. Hệ số thanh toán ngắn hạn giảm trong năm 2017 là vì tổng tài sản ngắn hạn giảm 15,97% và tổng nợ ngắn hạn tăng 72,87%.

Năm 2017, hệ số thanh toán nhanh của Công ty là 0,71 lần, nghĩa là cứ 1.000 đồng nợ ngắn hạn của Công ty được đảm bảo bởi 710 đồng tài sản ngắn hạn sau khi loại trừ hàng tồn kho. Năm 2017, chỉ tiêu này đã giảm 52,55% so với năm trước, nguyên nhân chủ yếu là vì

trong năm 2017 tổng tài sản ngắn hạn giảm 15,97%, hàng tồn kho cuối kỳ giảm 5,75% và tổng nợ ngắn hạn tăng 72,87%.

❖ Về cơ cấu vốn:

Tỷ trọng nợ trong cơ cấu vốn có chiều hướng tăng nhưng không đáng kể. Tại thời điểm 31/12/2017, tổng nợ phải trả là 627 tỷ đồng, chiếm 27,15% tổng tài sản và chiếm 37,27% VCSH. Nhìn chung, cơ cấu vốn của Công ty thiên về vốn chủ sở hữu giảm thiểu được chi phí tài chính, tuy nhiên việc tài trợ cho các tài sản cố định mang tính dài hạn thì Công ty cũng cần xem xét tận dụng lợi thế từ nợ vay để mở rộng sản xuất, kinh doanh trong thời gian tới.

❖ Về năng lực hoạt động và đánh giá khả năng sinh lời:

Phần lớn các hệ số thể hiện năng lực hoạt động của Công ty có xu hướng giảm. Vòng quay tổng tài sản giảm trong khi vòng quay tài sản cố định tăng cho thấy Công ty có giá trị tài sản dài hạn khác gia tăng trong năm ghi nhận ở hạng mục Chi phí xây dựng cơ bản dở dang, giá trị từ 232,5 tỷ đồng (năm 2015) tăng lên 466,2 tỷ đồng (năm 2016) và 1.052,6 tỷ đồng (năm 2017). Đây là giá trị đầu tư các hệ thống cấp nước, xử lý nước thải tại các huyện thị.

Đối với hệ số vòng quay phải thu và phải trả cho thấy rằng Công ty có chính sách thu hẹp thời gian thu tiền và gia tăng thời gian bình quân chi trả, tuy nhiên dấu hiệu không rõ ràng vì số liệu không có sự thay đổi đáng kể.

Hoạt động kinh doanh năm 2017 so với năm 2016, các chỉ tiêu kết quả kinh doanh trong năm 2017 như doanh thu thuần đạt hơn 1.401,5 tỷ đồng, tương ứng tăng 5,95%; Lợi nhuận hoạt động kinh doanh và Lợi nhuận sau thuế lần lượt đạt 129,1 tỷ đồng và 108,6 tỷ đồng, tương ứng tăng 0,08% và 5,92%. Ngoài ra, do sự tăng trưởng về tài sản và vốn chủ trong giai đoạn đầu tư nên tỷ suất sinh lợi có sự suy giảm nhẹ. Nhìn chung, các hệ số về năng lực hoạt động và khả năng sinh lời đều ở mức trung bình và đang có sự cải thiện.

Giá trị sổ sách của cổ phần năm 2017 giảm so với năm 2016. Chỉ tiêu Giá trị sổ sách của cổ phần được tính theo công thức $\text{Vốn chủ sở hữu} / \text{Số lượng cổ phần đang lưu hành}$. Số liệu Vốn chủ sở hữu được căn cứ theo Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2016 và năm 2017. Trong đó lưu ý tại 31/12/2017 Công ty đã điều chuyển số dư của chỉ tiêu Vốn khác của chủ sở hữu sang Phái trả dài hạn khác theo Công văn 2283/UBND-KTTH ngày 29/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang (Xem thuyết minh số 18b, thuyết minh số 23 trên Thuyết minh Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017 và mục 18 Phần IV của Bản công bố thông tin này).

6. Tình hình tài sản của Công ty

6.1 Giá trị tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình tại thời điểm 30/06/2018

Đơn vị tính: đồng			
Tài sản	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại

Tài sản	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
I. Tài sản cố định hữu hình	1.390.919.798.687	610.879.968.327	780.039.830.360
Nhà cửa, vật kiến trúc	192.924.973.126	81.135.803.196	111.789.169.930
Máy móc, thiết bị	1.194.391.354.423	526.789.850.176	667.601.504.247
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	1.356.521.338	1.329.973.288	26.548.050
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2.246.949.800	1.624.341.667	622.608.133
II. Tài sản cố định vô hình	22.115.185.591	875.809.360	21.239.376.231
Quyền sử dụng đất	20.464.754.191	491.169.457	19.973.584.734
Chương trình phần mềm máy tính	1.650.431.400	384.639.903	1.265.791.497

Nguồn: Báo cáo tài chính soát xét 6 tháng đầu năm 2018 của POWACO

6.2 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại 30/06/2018

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Giá trị
Công trình hệ thống thoát nước và xử lý nước thải TP.Châu Đốc	198.914.533.425
Công trình hệ thống thoát nước và xử lý nước thải TP.Long Xuyên	945.434.082.257
Các công trình khác	85.855.460.711
Tổng cộng	1.230.204.076.393

Nguồn: Báo cáo tài chính soát xét 6 tháng đầu năm 2018 của POWACO

Công ty hiện đang triển khai thực hiện 2 dự án lớn là dự án Công trình hệ thống thoát nước và xử lý nước thải TP.Châu Đốc và dự án Công trình hệ thống thoát nước và xử lý nước thải TP.Long Xuyên. Nguồn vốn đầu tư của hai dự án này là từ nguồn vốn ngân sách và nguồn vốn vay ODA. Các nội dung này được thuyết minh chi tiết tại thuyết minh số 11 trên Thuyết minh Báo cáo tài chính soát xét 6 tháng đầu năm 2018 của POWACO. Vốn đối ứng của 2 dự án này được thể hiện ở chi tiêu Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản (mã số 422 trên Bảng cân đối kế toán tại thời điểm 30/06/2018).

Sau khi Công ty hoàn thành công tác đầu tư sẽ thực hiện bàn giao tài sản cho Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.

7. Diện tích đất đai đang quản lý, sử dụng

Khi thực hiện cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước sang Công ty cổ phần, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang đã có Quyết định số 2793/QĐ-UBND ngày 15/12/2009 về việc phê duyệt phương án sử dụng đất của Công ty Điện nước An Giang. Tổng hợp diện tích đất Công ty đang quản lý và sử dụng tại thời điểm hiện nay như sau:

6
2

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

STT	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Thời gian thuê	Hồ sơ pháp lý
I	ĐẤT POWACO ĐANG QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG					
1.	821 Trần Hưng Đạo, Phường Bình Khánh, An Giang	3.615,7	Trụ sở văn phòng Công ty	Sở hữu		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T-00254 mA ngày 25/03/2005
2.	Bình Đức, Long Xuyên, An Giang	2.392,7	Kho Công ty	Sở hữu		Quyết định giao đất số 973/QĐUB ngày 26/05/1998, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00714 ngày 26/05/1998
3.	Trần Hưng Đạo, Bình Đức, Long Xuyên, An Giang	906	Trạm bơm cấp I	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 1253/QĐUB ngày 02/06/1999, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00714 ngày 03/03/2003
4.	Trần Hưng Đạo, Bình Đức, Long Xuyên, An Giang	16.890	Nhà máy nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 817/QĐUB ngày 28/04/1999
5.	Trần Hưng Đạo, Bình Đức, Long Xuyên, An Giang	100	Trạm bơm cấp I	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 1914/QĐCTUB ngày 09/08/2002, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01714 ngày 03/03/2003
6.	31/1 Trần Hưng Đạo, Long Xuyên, An Giang	2.825	Trụ sở văn phòng XNCN TP. Long Xuyên	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 174/QĐUB ngày 13/02/1999, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00976 ngày 10/07/1999
7.	80/1 Bùi Văn Danh, Mỹ Xuyên, Long Xuyên, An Giang	373,6	Trụ sở XN Xây lập Điện nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 36/QĐUB ngày 19/01/1997
8.	Mỹ Phước, Long Xuyên, An Giang	1.453,0	Đài nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 3150/QĐUB ngày 09/12/1998, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01249 ngày

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

STT	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Thời gian thuê	Hồ sơ pháp lý
						09/08/2002
9.	Áp Mỹ An II, Mỹ Hòa Hưng, Long Xuyên	502,7	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 1746/QĐ-UBND ngày 29/08/2008
10.	Phường Mỹ Thạnh	224,0	Nhà kho	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 2697/QĐ-UBND ngày 02/12/2015. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB030151
11.	Phường Bình Đức	248,3	Đất kho NMN Bình Đức	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 1548/QĐ-UBND ngày 11/09/2012. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK065647 ngày 04/02/2013
12.	Phường Bình Đức	155,7	Đất kho NMN Bình Đức	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 1548/QĐ-UBND ngày 11/09/2012. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK065646 ngày 04/02/2013
13.	Áp Long Quới II, xã Long Điền B	304,7	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 861/QĐ-UBND ngày 07/05/2008
14.	Xã Long Kiến	240,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 727/QĐ-UBND ngày 08/04/2014
15.	Áp Long Hòa, TT Chợ Mới	4.505,8	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 53/QĐ-UB ngày 13/01/1997. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00019 ngày 13/01/1998
16.	TT Mỹ Lương	7.235,0	Nhà máy nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 1898/QĐ-UBND ngày 07/07/2016, 1040/QĐ-UB ngày 13/09/1996, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 030362
17.	Áp Thị 2, TT Mỹ Lương	227,0	Đường ống	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

STT	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Thời gian thuê	Hồ sơ pháp lý
			nước			
18.	Áp Tân Phú, xã Tân Mỹ	464,4	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 1003/QĐ-UBND ngày 21/05/2008
19.	Áp Tây Thượng, xã Mỹ Hiệp	467,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 2097/QĐ.UB ngày 16/09/1999, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00003 ngày 02/11/2000
20.	Áp Thi, xã Hội An	299,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 1730/QĐ.UB ngày 12/12/1996
21.	Áp An Thái, xã Hội An	524,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
22.	Áp Long Phú, xã Long Giang	220,4	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 906/QĐ-UBND ngày 09/05/2008
23.	Áp Phú Hạ, xã Kiến Thành	671,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 1223/QĐ-UBND ngày 11/06/2009
24.	Xã Mỹ Hội Đông	295,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 2665/QĐ-UBND ngày 17/12/2008
25.	Xã Hòa Bình	286,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 78/QĐ.UB ngày 14/01/2000, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00004 ngày 02/11/2000
26.	Áp An Thuận - Xã Hòa Bình	1.585,1	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 1361/QĐ-UBND ngày 09/07/2008
27.	Áp Kiến Hưng Xã Kiến Thành	888,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 1841/QĐ-UBND ngày 18/08/2009

Đơn vị tư vấn

DONGA
Securities

Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

 **DONGA**
Securities

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

STT	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Thời gian thuê	Hồ sơ pháp lý
28.	Áp Hòa Bình - Xã Kiến An	500,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
29.	Áp Mỹ Phước - Xã Mỹ Hội Đông	288,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 1361/QĐ-UBND ngày 09/07/2008
30.	Áp Mỹ Hòa - Xã Nhơn Mỹ	281,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 2663/QĐ-UBND ngày 17/12/2008
31.	Áp Mỹ Hoà xã Nhơn Mỹ- Chợ Mới	49,0	Trạm bơm cấp I	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
32.	Tân Long - xã Tân Mỹ	96,0	Giếng nước ngưng hoạt động	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
33.	An Khánh	102,0	Giếng nước ngưng hoạt động	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
34.	Mỹ An - Mỹ An	193,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 725/QĐ-UBND ngày 08/04/2009
35.	Xã Núi Tô – Thị trấn Trại Tôn	16.576,0	Nhà máy nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 966/QĐ-TTg ngày 02/08/2001, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00001 ngày 09/08/2002
36.	Xã Châu Lăng	542,4	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 1754/QĐ-UBND ngày 01/09/2008
37.	Xã Châu Lăng	39,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 2749/QĐ-UBND ngày 16/10/2008
38.	Xã Châu Lăng	703,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 2348/QĐ-UBND ngày

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

STT	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Thời gian thuê	Hồ sơ pháp lý
						13/08/2012, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 65668 ngày 01/04/2013
39.	Xã An Tức	835,5	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 2146/QĐ-UBND ngày 16/10/2008
40.	Áp Phước Long - Xã Ó Lắm	787,7	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 1506/QĐ-UBND ngày 31/07/2008
41.	Xã Ó Lắm	826,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 1356/QĐ-UBND ngày 13/08/2012, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 418980 ngày 06/11/2012
42.	Áp Tô Phước - Xã Cô Tô	429,8	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 1534/QĐ-UBND ngày 04/08/2008
43.	Áp Tô Phước - Xã Cô Tô	556,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 373/QĐ-UBND ngày 01/03/2010
44.	Xã Núi Tô	145,2	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 1799/QĐ-UBND ngày 11/09/2008
45.	Áp Tô Hạn, xã Núi Tô, Trì Tôn	276,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 1715/QĐ-UBND ngày 29/08/2008
46.	Áp Hoà xã Châu Lăng	144,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
47.	Xã Cô Tô	84,5	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
48.	Xã Lê Trì	180,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

STT	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Thời gian thuê	Hồ sơ pháp lý
49.	Xã Ổ Lám	278,3	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
50.	Áp Vĩnh Cầu - Vĩnh Gia	568,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
51.	Xã Lạc Quoi	169,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
52.	Xã Vĩnh Phước	225,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
53.	Xã Ba Chúc	478,5	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
54.	Xã Tân Tuyên	232,2	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
55.	Xã Tân Tuyên	957,4	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 2651/QĐ-UBND ngày 23/09/2016, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 876362
56.	Tà Dánh	105,6	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
57.	Tà Dánh	894,1	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
58.	Áp Giồng Cát, xã Lương An Trà, Trị Tôn	769,5	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
59.	Thị trấn Trị Tôn	1.008,0	Hồ lãng bún	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
60.	Khóm Xuân Hòa - Tịnh Biên	359,0	Nhà máy nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 731/QĐ-CT,UB ngày 05/04/2000, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00004 ngày 24/07/2000
61.	Áp Phú Nhứt - Xã An Phú	310,6	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 864/QĐ-UBND ngày 07/05/2008

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

STT	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Thời gian thuế	Hồ sơ pháp lý
62.	Thị trấn Nhà Bàng	40.921,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 1445/QĐ.CT.UB ngày 07/08/2003, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00026 ngày 09/08/2004
63.	Thị trấn Chi Lăng	3.082,2	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 2515/QĐ.CT.UB ngày 08/12/2003, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00034 ngày 10/01/2005
64.	Áp Xuân Bình - Xã Xuân Tô	306,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
65.	Khóm Tây Hưng - Xã Nhơm Hưng	467,3	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 1907/QĐ.UBND ngày 23/09/2008
66.	Thị trấn Nhà Bàng - Tỉnh Biên - An Giang	2.600,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 1446/QĐ.CT.UB ngày 07/08/2003, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00013 ngày 29/10/2003
67.	Khóm xuân Hòa - Tỉnh Biên	1.200,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T.00052gK ngày 28/11/2006
68.	Áp sơn tây xã Thới Sơn - Tỉnh Biên	16,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
69.	Áp sơn tây xã Thới Sơn - Tỉnh Biên	221,0	Trạm tăng áp	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
70.	Xã An Phú	126,5	Trạm tăng áp	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
71.	Áp Tân Định - Xã Tân Lập - Tỉnh Biên	459,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

STT	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Thời gian thuê	Hồ sơ pháp lý
72.	Xã Tân Lập	108,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
73.	Tân Lợi	90,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
74.	Xã An Cư	505,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
75.	Chùa Rô, An Cư, Tỉnh Biên	Đất chùa	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
76.	Áp Mỹ á - Xã Núi Voi - Tỉnh Biên	1.495,0	Trạm cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 1908/QĐ-UBND ngày 23/09/2008
77.	TT Tịnh biên - Tỉnh Biên	147,0	Trạm tăng áp	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
78.	Xã Thới Sơn-Tỉnh Biên	225,0	Trạm tăng áp	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
79.	Áp Bình Trung - xã Bình Mỹ	224,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 517/QĐ.UB ngày 16/04/2001, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00010 ngày 09/11/2001
80.	Áp Bình Minh - xã Bình Mỹ	662,6	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 2198/QĐ.UBND ngày 21/10/2008
81.	Áp Vĩnh Phú - xã Vĩnh Thành Trung	1.614,0	Nhà máy nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 1974/QĐ.UB ngày 22/09/1998, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00021 ngày 02/11/2000
82.	Áp Tây An - xã Thạnh Mỹ Tây	302,2	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 1004/QĐ-UBND ngày 21/05/2008
83.	Áp Mỹ Thiện - xã Mỹ Đức	271,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 1069/QĐ.UB ngày 18/05/2000,

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

STT	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Thời gian thuê	Hồ sơ pháp lý
						Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00001 ngày 24/07/2000
84.	Ấp Khánh Bình - xã Khánh Hòa	363,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 1362/QĐ.UB ngày 09/07/2008
85.	Ấp Khánh Châu - xã Khánh Hòa	293,9	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 870/QĐ-UBND ngày 07/05/2008
86.	Ấp Bình Châu - xã Bình Long	334,3	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 910/QĐ-UBND ngày 09/05/2008
87.	Ấp Bình Quý - xã Bình Thủy	293,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 726/QĐ-UBND ngày 08/04/2009
88.	Ấp Mỹ Thuận - xã Mỹ Phú	262,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 2395/QĐ.UB ngày 18/10/1999, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00004 ngày 02/11/2000
89.	Ấp Bình Hưng - xã Bình Long	9.595,5	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 2395/QĐ.UB ngày 18/10/1999, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T00545dF ngày 15/11/2007
90.	Ấp Mỹ Thuận - xã Mỹ Phú	360,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 2147/QĐ.UB ngày 16/10/2008
91.	Ấp Khánh Phát - xã Khánh Hòa	253,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
92.	Ấp Khánh Hòa - xã Khánh Hòa	552,1	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 1362/QĐ-UBND ngày 09/07/2008
93.	Ấp Hưng Thạnh - xã Đào Hữu Canh	552,1	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 1277/QĐ-UBND ngày 18/06/2009
94.	Ấp Bình Thiện - xã Bình Thủy	291,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 1989/QĐ-UBND ngày

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

STT	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Thời gian thuê	Hồ sơ pháp lý
						02/10/2008
95.	Ấp Bình Phước - xã Bình Chánh	626,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
96.	Ấp Bình Đức - xã Bình Phú	108,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
97.	Ấp Bình Hưng 2 - xã Bình Mỹ	108,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
98.	Ấp Long An - xã Ô Long Vĩ	324,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
99.	Ấp Vĩnh Bình - xã Vĩnh Thạnh Trung	108,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
100.	Ấp Long Bình - xã Ô Long Vĩ	877,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
101.	Ấp Thạnh Hòa - xã Thạnh Mỹ Tây	108,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
102.	Ấp Long Sơn - xã Ô Long Vĩ	202,5	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
103.	Ấp Mỹ Thành - xã Mỹ Đức	209,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
104.	Ấp Mỹ Thành - xã Mỹ Đức	187,5	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 2750/QĐ-UBND ngày 08/12/2015, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 030875
105.	Ấp Long Phú - xã Ô Long Vĩ	108,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
106.	Ấp Bình Chánh 2 - xã Bình Mỹ	280,7	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 2748/QĐ-UBND ngày 08/12/2015, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

STT	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Thời gian thuê	Hồ sơ pháp lý
						030873
107.	Áp Bình An - xã Bình Phú	180,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
108.	Áp Bình An - xã Bình Phú	311,5	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 2747/QĐ-LUBND ngày 08/12/2015. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 030874
109.	Áp Phú Hòa - Xã Bình Hòa	305,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 2275/QĐ-CT.UB ngày 22/10/2001. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00064 ngày 10/01/2002
110.	Áp Vĩnh Thảnh - Xã Vĩnh An	324,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 1757/QĐ.UB ngày 02/08/2000. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00003 ngày 13/10/2000
111.	Áp Vĩnh Thuận - Xã Vĩnh Hanh	585,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 1135/QĐ.UB ngày 13/07/2001. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00004 ngày 09/11/2001
112.	Áp Long Hòa 1 – Thị trấn An Châu	3.103,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 31/QĐ-CT.UB ngày 08/01/2003. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00369 ngày 09/04/2003
113.	Áp Long Hòa 1 – Thị trấn An Châu	447,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
114.	KCN Bình Hoà	4.077,2	Nhà máy nước	Thuê đất	50 năm	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T00130bG ngày 15/11/2007

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

STT	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Thời gian thuê	Hồ sơ pháp lý
115.	Ấp Thạnh Hòa - Xã Bình Thạnh	567,6	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 1717/QĐ.UBND ngày 29/08/2008
116.	Ấp Hòa Hưng - Xã Hòa Bình Thạnh	448,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 2557/QĐ.UBND ngày 02/12/2008
117.	Ấp Bình An 2 - Xã An Hòa	424,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 2830/QĐ.UBND ngày 31/12/2008
118.	Ấp Tân Lợi - Xã Tân Phú - Châu Thánh	108,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
119.	Ấp Vĩnh Lộc - Xã Vĩnh Bình - Châu Thánh	108,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
120.	Ấp Hòa Lợi - Xã Vĩnh lợi	140,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
121.	Ấp Vĩnh Thuận - Xã Vĩnh Nhuận	118,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
122.	Ấp Tân Thành - Xã Vĩnh Thành - Châu thánh	108,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
123.	Ấp Bình An 1 - Xã An Hòa - Châu thánh	154,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
124.	Ấp Tân Thành - Xã Vĩnh Thành	120,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
125.	Ấp Đông Bình Nhất - xã Vĩnh Thạnh - Châu Thánh	300,8	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

STT	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Thời gian thuê	Hồ sơ pháp lý
126.	Áp Thượng 3 – Thị trấn Phú Mỹ	2.364,9	Nhà máy nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 54/QĐ.UB ngày 03/01/1998. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00004 ngày 13/01/1998
127.	Áp Bình Quới – Bình Thạnh Đông	2.827,0	Nhà máy nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 1842/QĐ.UBND ngày 18/08/2009
128.	Xã Phú Thọ	152,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 1423/QĐ.UB ngày 27/06/2000. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00004 ngày 02/11/2000
129.	Xã Phú Thọ – Phú Tân	227,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 2773/QĐ.UB ngày 30/12/2008
130.	Áp Phú Xương – Thị trấn Chợ Vàm	253,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 80/QĐ.UB ngày 14/01/2000. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00012 ngày 02/11/2000
131.	Áp Phú Hiệp – Thị trấn Chợ Vàm	300,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 2388/QĐ.UB ngày 30/08/2005. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T.00050aC ngày 14/02/2006
132.	Áp Phú Hiệp Thị trấn Chợ Vàm – Phú Tân	339,0	Hồ lãng bùn	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 371/QĐ.UB ngày 01/03/2010
133.	Áp Bình Trung II - Xã Bình Thạnh Đông	252,8	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 1745/QĐ.UB ngày 29/08/2008
134.	Áp Bình Tây II - Xã Bình Thạnh Đông	1.014,3	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 2008/QĐ.UBND ngày 26/10/2008

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

STT	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Thời gian thuê	Hồ sơ pháp lý
135.	Áp Long Hưng- Xã Long Sơn	2.584,7	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 2189/QĐ.UBND ngày 29/09/2009
136.	Áp Phú Quới - Xã Phú An	305,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 153/QĐ.UBND ngày 21/01/2009
137.	Áp Hoà Bình - Xã Hòa Lạc	410,0	Nhà máy nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 1751/QĐ.UBND ngày 11/08/2009
138.	Áp phú bình xã phú An - Phú Tân	100,0	Trạm tăng áp	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
139.	Áp Phú Lợi xã Phú An - Phú Tân	160,0	Trạm tăng áp	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
140.	Xã Hiệp Xương - Phú Tân	300,0	Trạm tăng áp	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
141.	Tổ 1 ấp Long Hậu xã Phú Long	200,0	Trạm tăng áp	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
142.	Xã Phú Thành - Phú Tân	252,0	Trạm tăng áp	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
143.	Xã Hiệp Xương - Phú Tân	240,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
144.	Xã Long Hòa	180,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
145.	Áp 4 – Thị trấn An Phú	7.331,5	Nhà máy nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 411/QĐ.UB ngày 13/03/1998, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00015 ngày 13/03/1998
146.	Áp 4 – Thị trấn An Phú	6.687,7	Nhà máy nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 381/QĐ.UB ngày 09/03/2012
147.	Áp 4 – Thị trấn An Phú	2.688,0	Nhà máy nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 1868/QĐ.UB ngày 24/10/2012

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

STT	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Thời gian thuế	Hồ sơ pháp lý
148.	Áp Hà Bao - Xã Đa Phước	335,4	Trạm Cấp nước	Thuế đất	50 năm	Quyết định giao đất số 1987/QĐ-UBND ngày 02/10/2008
149.	Áp 2 - Xã Nhơn Hội	470,3	Trạm Cấp nước	Thuế đất	50 năm	Quyết định giao đất số 2781/QĐ-UBND ngày 30/12/2008
150.	Áp Vĩnh Lợi - Xã Vĩnh Lộc	762,0	Trạm Cấp nước	Thuế đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuế đất
151.	Xã Quốc Thái	211,5	Trạm Cấp nước	Thuế đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuế đất
152.	Xã Khánh Bình	111,4	Trạm Cấp nước	Thuế đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuế đất
153.	Xã Phước Hưng	154,0	Trạm Cấp nước	Thuế đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuế đất
154.	Xã Khánh An	228,3	Trạm Cấp nước	Thuế đất	50 năm	Quyết định giao đất số 47/QĐ-UBND ngày 11/01/2016
155.	Áp 3 - Xã Nhơn Hội	143,9	Trạm Cấp nước	Thuế đất	50 năm	Quyết định giao đất số 2749/QĐ-UBND ngày 08/12/2015
156.	Áp 3 - Xã Vĩnh Trường	229,7	Trạm Cấp nước	Thuế đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuế đất
157.	Áp AI - Xã Vĩnh Lộc	132,3	Trạm Cấp nước	Thuế đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuế đất
158.	Xã Phú Hội	137,6	Trạm Cấp nước	Thuế đất	50 năm	Quyết định giao đất số 44/QĐ-UBND ngày 11/01/2016
159.	Xã Phú Hữu	139,8	Trạm Cấp nước	Thuế đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuế đất
160.	AI - Xã Vĩnh Hậu	194,2	Trạm Cấp nước	Thuế đất	50 năm	Quyết định giao đất số 74/QĐ-UBND ngày 14/01/2016
161.	Áp Phước Thọ - Xã Đa Phước	192,0	Trạm Cấp nước	Thuế đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuế đất

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

STT	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Thời gian thuê	Hồ sơ pháp lý
162.	Áp AI - Xã Vĩnh Hội Đông	144,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
163.	Áp 3 Rạch càn lá - Xã Phú Hội	168,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
164.	Áp 3 - Xã Vĩnh Hội Đông	0,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
165.	Áp Phước Quan - Xã Đa Phước	150,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
166.	Áp 1 - Xã Vĩnh Trường	420,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
167.	Áp 2 - Xã Phước Hưng	90,0	Trạm tăng áp	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
168.	Xã Quốc Thái	255,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
169.	Áp 3 - Xã Vĩnh Hậu	252,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
170.	Áp Phú Lợi - Xã Phú Hữu	150,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
171.	Áp Vàm Kinh - Xã Vĩnh Hậu	180,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
172.	Áp 4 - Xã Vĩnh Hội Đông	180,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
173.	Áp II - Xã Vĩnh Trường	182,7	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 1822/QĐ-UBND ngày 07/09/2015
174.	Áp Vĩnh Thạnh xã Vĩnh Hậu	185,9	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 1826/QĐ-UBND ngày 07/09/2015
175.	Áp 2 Vĩnh Hội Đông	215,6	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 43/QĐ-UBND ngày 11/01/2016

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

STT	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Thời gian thuê	Hồ sơ pháp lý
176.	Xã Quốc Thái	211.5	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 1824/QĐ-UBND ngày 07/09/2015
177.	Thị trấn An Phú	108,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
178.	Thị trấn Tân Châu	5.622,0	Nhà máy nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 2904/QĐ.UB ngày 21/12/1999
179.	Áp Long Hiệp - Xã Long An	180,0	Trạm tăng áp	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 2132/QĐ.UB ngày 11/11/2010
180.	Áp Long Quới A - TT Tân Châu	108,0	Trạm tăng áp	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 1714/QĐ.UBND ngày 29/09/2008
181.	P Long Sơn	2.585,0	Nhà máy nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
182.	Xã Long An - Tân Châu	985,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
183.	Áp Vĩnh Lợi I - xã Châu Phong	983,6	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
184.	Áp Vĩnh Lợi II - xã Châu Phong	108,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
185.	Áp Tân Hòa C - Xã Tân An	108,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
186.	Áp Phú Yên - Xã Phú Lộc	96,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
187.	Xã Tân Hoà B	320,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
188.	Xã Vĩnh Hòa	36,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
189.	Áp Tân Hòa B - Xã Tân An	170,0	Trạm tăng áp	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất

BẢN CÔNG BỐ THỐNG TIN

STT	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Thời gian thuế	Hồ sơ pháp lý
190.	Áp Phú An - Xã Phú Vĩnh	140,0	Trạm tăng áp	Thuế đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuế đất
191.	Áp Vĩnh Thạnh - Xã Vĩnh hóa	108,0	Trạm tăng áp	Thuế đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuế đất
192.	Áp Phũm Soái - Châu Phong	234,0	Trạm tăng áp	Thuế đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuế đất
193.	Áp Vĩnh Thành 2 - Xã Lê Chánh - Tân Châu	72,0	Trạm Cấp nước	Thuế đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuế đất
194.	Xã Vĩnh Hòa	130,0	Trạm Cấp nước	Thuế đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuế đất
195.	Áp Vĩnh Thạnh B - Xã Vĩnh Hòa	192,0	Trạm Cấp nước	Thuế đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuế đất
196.	Áp 4 - Xã Vĩnh Xương	144,0	Trạm Cấp nước	Thuế đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuế đất
197.	Áp Phú Yên - Xã Phú lộc	7,0	Trạm Cấp nước	Thuế đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuế đất
198.	Áp Phú Quý - Xã Phú lộc	130,0	Trạm Cấp nước	Thuế đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuế đất
199.	Áp 1 - Xã Vĩnh Xương	300,0	Trạm Cấp nước	Thuế đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuế đất
200.	Áp Phú Thuận - Xã Tây Phú	306,0	Trạm Cấp nước	Thuế đất	50 năm	Quyết định giao đất số 79/QĐ.UB ngày 14/01/2000, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 44 ngày 04/10/2000
201.	Áp Tân Hiệp - TT Ôc Eo	311,3	Trạm Cấp nước	Thuế đất	50 năm	Quyết định giao đất số 1124/QĐ.UB ngày 26/09/1996, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00044 ngày 04/10/2000
202.	Áp Bắc Sơn - TT Núi Sập	5.094,0	Trạm Cấp nước	Thuế đất	50 năm	Quyết định giao đất số 728/QĐ.UB ngày 05/04/2000,

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

STT	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Thời gian thuê	Hồ sơ pháp lý
						Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00202 ngày 18/05/2000
203.	Áp Hòa Thành Xã Định Thành	245,5	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 907/QĐ.UBND ngày 09/05/2008
204.	Áp Bình Trung I xã Vĩnh Trạch	308,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 909/QĐ.UBND ngày 09/05/2008
205.	Áp Thanh Niên - Xã Vĩnh Trạch	836,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 1421/QĐ.UB ngày 27/06/2000. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00002 ngày 02/11/2000
206.	Xã Vĩnh Trạch Thới Sơn	4.483,5	Nhà máy nước	Thuê đất	50 năm	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 065205 ngày 28/11/2012
207.	Áp Sơn Tân -Xã Vọng Đông	559,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 2662/QĐ.UB ngày 23/02/2011
208.	Áp Tân Đông Thị trấn Ôc Eo	198,0	Trạm tăng áp	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 2017/QĐ.UB ngày 10/10/2006
209.	Xã Bình Thành -Xã Thới Giang	470,6	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 1906/QĐ.UBND ngày 23/09/2008
210.	Áp phú Hữu - Xã Định mỹ - Thới sơn	120,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
211.	Áp Vĩnh lợi - Xã Vĩnh Khánh	140,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
212.	Áp Trung Phú 2 - Xã Vĩnh Phú	106,2	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
213.	Áp Hòa Phú -Xã Định Thành - Thới Sơn	105,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất

STT	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Thời gian thuê	Hồ sơ pháp lý
225.	Nam Kinh 1 - Xã Vĩnh Mỹ	97,5	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
226.	Phường Núi Sam - Tp Châu Đốc	1.800,0	Nhà máy nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
227.	Xã Vĩnh Tế - Tp Châu Đốc	944,6	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
228.	Xã Vĩnh Ngươn - Tp Châu Đốc	300,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
II ĐẤT POWACO BÀN GIAO THEO QUY ĐỊNH CỦA CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN						
1.	Áp Bình Hòa, Mỹ Khánh, Long Xuyên	205,0	Giếng nước ngưng hoạt động	Thuê đất	50 năm	Đang làm thủ tục bàn giao lại cho địa phương
2.	Áp Bình Hòa, Mỹ Khánh, Long Xuyên	207,0	Giếng nước ngưng hoạt động	Thuê đất	50 năm	Đang làm thủ tục bàn giao lại cho địa phương
3.	Áp Mỹ An II, Mỹ Hòa Hưng, Long Xuyên	240,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang làm thủ tục bàn giao lại cho địa phương
4.	Khóm Tây Khánh 6, Mỹ Hòa, Long Xuyên	132,0	Giếng nước ngưng hoạt động	Thuê đất	50 năm	Đang làm thủ tục bàn giao lại cho địa phương
5.	Khóm Tây Huê 2, Mỹ Hòa, Long Xuyên	35,0	Giếng nước ngưng hoạt động	Thuê đất	50 năm	Đang làm thủ tục bàn giao lại cho địa phương
6.	Khóm Đồng Thịnh 6, P.Mỹ Phước, Long Xuyên	35,0	Giếng nước ngưng hoạt động	Thuê đất	50 năm	Đang làm thủ tục bàn giao lại cho địa phương
7.	Khóm Thới An A, Mỹ Thạnh, Long Xuyên	35,0	Giếng nước ngưng hoạt động	Thuê đất	50 năm	Đang làm thủ tục bàn giao lại cho địa phương

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

STT	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Thời gian thuê	Hồ sơ pháp lý
8.	Khóm Hòa Thạnh, Mỹ Thạnh, Long Xuyên	238,0	Giếng nước ngưng hoạt động	Thuê đất	50 năm	Đang làm thủ tục bán giao lại cho địa phương
9.	Khóm Bình Đức 6, Bình Đức, Long Xuyên	35,0	Giếng nước ngưng hoạt động	Thuê đất	50 năm	Đang làm thủ tục bán giao lại cho địa phương
10.	Áp Bình Thạnh - Xã Hòa An	35,0	Giếng nước	Thuê đất	50 năm	Đang làm thủ tục bán giao lại cho địa phương
11.	Áp Bình Quới - Xã Hòa An	35,0	Giếng nước ngưng hoạt động	Thuê đất	50 năm	Đang làm thủ tục bán giao lại cho địa phương
12.	Áp Bình Phú - Xã Hòa An	35,0	Giếng nước ngưng hoạt động	Thuê đất	50 năm	Đang làm thủ tục bán giao lại cho địa phương

Nguồn: Công ty cổ phần Điện nước An Giang cung cấp

8. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo*Đơn vị: triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2017	Kế hoạch năm 2018	% tăng giảm so với năm 2017
Doanh thu thuần	1.414.650	1.466.350	+ 3,65%
Lợi nhuận sau thuế	108.661	109.875	+ 1,12%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	7,68%	7,49%	- 0,19 %
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	6,89%	7,07	+0,18%
Tỷ lệ chi trả cổ tức (%VDL)	15%	15%	-

*Nguồn: BCTC năm 2017 đã kiểm toán và kế hoạch năm 2018 của Công ty***Căn cứ đạt kế hoạch lợi nhuận và cổ tức dự kiến:**

Tình ổn định trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty dựa vào các cơ chế chính sách của nhà nước và nhu cầu sử dụng điện nước của khách hàng có tính ổn định và tăng trưởng hàng năm; hạ tầng kỹ thuật điện nước đảm bảo trong hoạt động cung ứng điện nước cho khách hàng.

Bên cạnh đó, trong năm 2017, Công ty đã đưa vào vận hành khai thác các hệ thống cấp nước mới và các hệ thống cấp nước được cải tạo, nâng công suất với tổng công suất khoảng 8.000 m³/ngày. Cung ứng điện nước là ngành kinh doanh ổn định và phát triển lâu dài. Kinh tế - xã hội phát triển, nhu cầu sử dụng điện nước dùng cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và sinh hoạt ngày càng cao nên sản lượng điện nước thương phẩm hàng năm và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty đều tăng trưởng với tốc độ ổn định, nhiều năm liền Công ty luôn hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh do Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang và Đại hội đồng cổ đông giao. Đồng thời với đội ngũ CB-CNV có trình độ chuyên môn tốt, kinh nghiệm trong quản lý điều hành,... trong lĩnh vực cung ứng điện nước. Đây chính là cơ sở để công ty hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và kế hoạch lợi nhuận như đã đề ra.

9. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty

Theo Công văn số 1196/STC-TCDN ngày 22/06/2015 của Sở Tài chính tỉnh An Giang về việc chậm nộp tiền cổ tức phần vốn Nhà nước đầu tư tại Doanh nghiệp, Công ty cổ phần Điện nước An Giang phải chịu một khoản tiền lãi là 8.966.000.000 đồng (xem chi tiết tại Thuyết minh báo cáo tài chính V.18a Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2017 của POWACO).

10. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phần khi chuyển nhượng vốn

Không có.

11. Các thông tin khác

• **Về khoản vốn ngân sách Nhà nước cấp cho Công ty:**

Căn cứ công văn số 2283/UBND-KTTH ngày 29/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang V/v xử lý phần vốn Nhà nước cấp cho Công ty cổ phần Điện nước An Giang sau cổ phần hóa. Công ty được loại ra khỏi giá trị doanh nghiệp nguồn vốn khi xác định giá khởi điểm bán cổ phần, đồng thời Công ty cổ phần Điện nước An Giang hạch toán và xác định đây là khoản nợ phải trả ngân sách. Theo Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017, tại thuyết minh số V.18b của Thuyết minh Báo cáo tài chính, Công ty đã hạch toán Khoản phải trả ngân sách nhà nước là 114.944.692.753 đồng.

• **Về việc chi trả cổ tức năm 2017:**

Công ty cổ phần Điện nước An Giang đã chốt danh sách cổ đông ngày 05/06/2018 để tạm ứng cổ tức năm 2017 bằng tiền mặt với tỷ lệ 15%/vốn điều lệ. Thời gian thực hiện: ngày 05/07/2018.

Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Điện nước An Giang ngày 13/06/2018, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua tỷ lệ cổ tức năm 2017 là 15%/vốn điều lệ. Như vậy, Công ty cổ phần Điện nước An Giang đã hoàn tất việc chi trả cổ tức năm 2017 cho cổ đông.

cổ phần Điện nước An Giang theo phương thức giao dịch ngoài sàn, cụ thể thực hiện theo thứ tự phương thức bán đấu giá công khai, chào bán cạnh tranh, thỏa thuận.

7. Tổ chức đấu giá: Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM

8. Thời gian thực hiện chuyển nhượng vốn

Công ty thực hiện thoái vốn trong tháng 10/2018.

9. Thời gian đăng ký mua cổ phần dự kiến

Thời gian đăng ký mua cổ phiếu dự kiến sẽ được quy định cụ thể tại Quy chế bán đấu giá cổ phần do Tổ chức thực hiện đấu giá cổ phần ban hành.

10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài

Về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty khi tham gia mua cổ phần thoái vốn nhà nước:

Theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 29 Nghị định 91/2015/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định 32/2018/NĐ-CP: “Nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần, phần vốn góp của nhà nước tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên phải đảm bảo tỷ lệ sở hữu vốn thực góp trong vốn điều lệ của công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên phù hợp với từng lĩnh vực pháp luật chuyên ngành quy định hoặc các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.”

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Điện nước An Giang không quy định cụ thể giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với cổ đông là người nước ngoài. Đến thời điểm ngày 05/06/2018, tỷ lệ nắm giữ của cổ đông nước ngoài tại Công ty là 0,01%.

Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài hiện nay căn cứ theo khoản 2, Điều 11 Thông tư 123/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 18/8/2015, Khoản 2 Điều 1 Nghị định 60/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 26/06/2015 quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Điểm c Khoản 3 Điều 22 Luật Đầu tư 2014.

11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng vốn

Không có.

12. Các loại thuế có liên quan

➤ **Đối với nhà đầu tư cá nhân và nhà đầu tư tổ chức:**

Theo Luật Thuế Thu nhập Cá nhân số 04/2007/QH12, ban hành ngày 21/11/2007 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2009 thì Thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân bao gồm: Thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức) và thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán).

Nhà đầu tư là tổ chức đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế đóng trên phần chênh lệch giá khi bán cổ phiếu. Đối với Nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài

không có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam, chỉ mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế khoán khi bán cổ phiếu bằng Tổng giá trị CP bán ra của từng giao dịch chuyển nhượng x 0,1%.

➤ **Đối với tổ chức thực hiện chuyển nhượng:**

Căn cứ Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, từ 01/01/2014, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho các doanh nghiệp là 22% và từ 01/01/2016, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.

13. Các thông tin khác theo quy định của pháp luật phải công khai khi thực hiện chuyển nhượng vốn

13.1 Về giá bán cổ phần mà nhà đầu tư phải thanh toán cho doanh nghiệp nhà nước

Theo quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều 38a của Nghị định 91/2015/ND-CP đã được bổ sung tại khoản 16 Điều 1 Nghị định 32/2018 ND-CP:

"c) Khi chuyển nhượng vốn tại công ty cổ phần đã niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán nhưng không thực hiện trên sàn giao dịch chứng khoán thì thực hiện theo thứ tự phương thức đấu giá công khai, chào bán cạnh tranh, thỏa thuận (thực hiện giao dịch ngoài sàn).

Giá bán cổ phần mà nhà đầu tư phải thanh toán cho cơ quan đại diện chủ sở hữu khi giao dịch ngoài sàn là giá được xác định theo quy định phù hợp với từng phương thức chuyển nhượng (đấu giá công khai, chào bán cạnh tranh, thỏa thuận); trường hợp trong ngày mở cuộc đấu giá công khai, chào bán cạnh tranh, kỳ họp đồng chuyển nhượng vốn (đối với phương thức thỏa thuận) mà giá giao dịch cổ phiếu của công ty cổ phần tính theo giá sàn cao hơn giá thanh toán được xác định phù hợp với từng phương thức chuyển nhượng (đấu giá công khai, chào bán cạnh tranh, thỏa thuận) thì nhà đầu tư phải thanh toán tiền mua cổ phần cho doanh nghiệp nhà nước theo giá giao dịch là giá sàn của ngày mở cuộc đấu giá công khai, chào bán cạnh tranh, kỳ họp đồng chuyển nhượng vốn (đối với phương thức thỏa thuận); trường hợp trong ngày mở cuộc đấu giá công khai, chào bán cạnh tranh, kỳ họp đồng chuyển nhượng vốn (đối với phương thức thỏa thuận) mà giá giao dịch tính theo giá sàn cổ phiếu của công ty cổ phần thấp hơn giá thanh toán được xác định phù hợp với từng phương thức chuyển nhượng (đấu giá công khai, chào bán cạnh tranh, thỏa thuận) hoặc không có giá sàn do không có giao dịch thì nhà đầu tư phải thanh toán tiền mua cổ phần cho cơ quan đại diện chủ sở hữu theo giá được xác định phù hợp với từng phương thức chuyển nhượng (đấu giá công khai, chào bán cạnh tranh, thỏa thuận).

d) Cơ quan đại diện chủ sở hữu phải công khai thông tin về giá thanh toán bán cổ phần chuyển nhượng vốn tại công ty cổ phần đã niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị

trường chứng khoán trong trường hợp giao dịch ngoài hệ thống giao dịch của thị trường chứng khoán (giao dịch ngoài sàn) cho các nhà đầu tư biết và thực hiện”

Công ty cổ phần Điện nước An Giang là Công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch UPCOM tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (mã chứng khoán DNA). Do đó, nhà đầu tư khi mua cổ phần theo phương thức đấu giá phải thanh toán giá bán cổ phần cho Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang theo giá sàn cổ phiếu POWACO nếu trong ngày mở cuộc đấu giá công khai mà giá giao dịch cổ phiếu POWACO tính theo giá sàn cao hơn giá trúng đấu giá của nhà đầu tư. Trường hợp không có giá sàn do không có giao dịch cổ phiếu DNA hoặc giá sàn thấp hơn giá trúng đấu giá, nhà đầu tư thanh toán tiền mua cổ phần theo giá trúng đấu giá.

Công ty Cổ phần Điện nước An Giang (theo ủy quyền của Cơ quan đại diện chủ sở hữu) sẽ công khai thông tin về giá thanh toán bán cổ phần chuyển nhượng vốn tại Công ty Cổ phần Điện nước An Giang cho các nhà đầu tư biết và thực hiện.

13.2 Hồ sơ đấu giá

Hồ sơ đấu giá bán cổ phần gồm:

- Văn bản số 1523/UBND-KTTH ngày 31/08/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp giai đoạn 2017 – 2020;
- Quyết định số 2201/QĐ-UBND ngày 11/09/2018 của Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt điều chỉnh phương án chuyển nhượng vốn nhà nước tại Công ty cổ phần Điện Nước An Giang;
- Bản công bố thông tin (theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 91/2015/NĐ-CP);
- Tài liệu chứng minh Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang là chủ sở hữu hợp pháp của số cổ phần đăng ký bán.
- Quy chế bán đấu giá cổ phần.
- Tài liệu khác theo yêu cầu của Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (nếu có).

13.3 Phương tiện, địa điểm công bố thông tin

Công ty cổ phần Điện nước An Giang (theo ủy quyền của Cơ quan đại diện chủ sở hữu) và Tổ chức đấu giá thực hiện công khai thông tin hồ sơ đấu giá đã lập theo quy định cho các nhà đầu tư trước ngày đấu giá tối thiểu là 20 ngày tại trụ sở chính của Công ty cổ phần Điện nước An Giang, địa điểm bán đấu giá, trên phương tiện thông tin đại chúng (báo số báo liên tiếp của một báo phát hành toàn quốc và một báo địa phương), đồng thời đăng tải trên trang thông tin điện tử của tổ chức đấu giá cổ phần (www.hsx.vn), Công ty cổ phần Điện nước An Giang (www.diennuocag.com.vn).

Công ty cổ phần Điện nước An Giang (theo ủy quyền của Cơ quan đại diện chủ sở hữu) / Tổ chức đấu giá khi thực hiện công bố thông tin về việc đấu giá cổ phần đề chuyển

nhượng vốn đồng thời gửi hồ sơ đầu giả đã lập theo quy định đến Bộ Tài chính (Cục Tài chính doanh nghiệp).

VI. MỤC ĐÍCH CHUYỂN NHƯỢNG VỐN

- Thực hiện chủ trương của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 17/08/2017 về phê duyệt danh mục doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện thoái vốn giai đoạn 2017 – 2020. Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang thực hiện thoái vốn tại Công ty cổ phần Điện Nước An Giang, tỷ lệ vốn dự kiến thoái là 39,14% vốn điều lệ, tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước, đồng thời nhằm tạo ra sự đa dạng hóa hình thức sở hữu tại doanh nghiệp. Theo đó, tạo sự thay đổi căn bản về phương thức quản trị, từng bước đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển quy mô, tăng cường năng lực tài chính, năng lực sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.
- Việc thoái vốn của UBND tỉnh An Giang tại POWACO phải được thực hiện trên nguyên tắc bảo toàn vốn đầu tư ở mức cao nhất theo đúng quy định của Nhà nước về chuyển nhượng vốn.

VII. CÁC TỔ CHỨC LIÊN QUAN ĐẾN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN

1. Tổ chức tư vấn

Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

Trụ sở chính:

- Địa chỉ: Tầng 2 và tầng 3, Tòa nhà 468 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, Tp. HCM
- Điện thoại: (84-28) 3833 6333 Fax: (84-28) 3935 1919
- Website: www.dag.vn Email: dag@dag.vn

Chi nhánh Hà Nội

- Địa chỉ: Số 181 Nguyễn Lương Bằng, Quận Đống Đa, Hà Nội
- Điện thoại: (024) 3944 5175 Fax: (024) 3944 5178

Chi nhánh Sài Gòn

- Địa chỉ: 60-70 Nguyễn Công Trứ, Q.1, TP.HCM
- Điện thoại: (028) 38218 666 Fax: (028) 39144 136

2. Tổ chức kiểm toán

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

- Địa chỉ: Số 2 Trường Sơn, Quận Tân Bình, TP. HCM
- Điện thoại: 028. 35472972 Fax: 028. 35472970

- Website: www.a-c.com.vn

3. Tổ chức thẩm định giá

Công ty cổ phần Tư vấn và Thẩm định giá Đông Nam

- Địa chỉ: 87 Trần Thiện Chánh, Phường 12, Quận 10, Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (028) 3868 3446 - 2242 8878 - 2242 9878
- Website: www.thamdinhgiadongnam.com/

VIII. BÁO CÁO CỦA CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG VỀ NỘI DUNG THÔNG TIN TRONG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG

Bản công bố thông tin này được cung cấp cho nhà đầu tư với mục đích giúp nhà đầu tư có thể đánh giá chung về tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của POWACO trước khi đăng ký mua cổ phần. Tuy nhiên, do đợt chào bán này không phải là đợt chào bán cổ phiếu của POWACO để huy động vốn trên thị trường sơ cấp nên Bản công bố thông tin này được chúng tôi xây dựng với khả năng và nỗ lực cao nhất từ các nguồn thông tin, số liệu đáng tin cậy do POWACO cung cấp để nhà đầu tư đánh giá về tình hình doanh nghiệp và các thông tin liên quan đến doanh nghiệp.

Bản công bố thông tin này không bảo đảm rằng đã chứa đựng đầy đủ các thông tin về doanh nghiệp và chúng tôi cũng không thực hiện phân tích, đưa ra bất kỳ ý kiến đánh giá nào với hàm ý đảm bảo giá trị của cổ phiếu. Do đó, chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư trước khi tham gia đấu giá cần tìm hiểu thêm thông tin về doanh nghiệp, bao gồm nhưng không giới hạn như Điều lệ tổ chức và hoạt động doanh nghiệp, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết Hội đồng quản trị, Báo cáo của Ban Kiểm soát, Báo cáo tài chính, Báo cáo quản trị, Báo cáo thường niên, Tài liệu đại hội cổ đông... cũng như bảo đảm rằng việc đăng ký mua hay thực hiện giao dịch là đúng thẩm quyền, tuân thủ các quy định về công bố thông tin, giao dịch của cổ đông lớn, người nội bộ, giới hạn tỷ lệ sở hữu, được thanh toán bằng nguồn tiền hợp pháp, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Nhà đầu tư tham gia đấu giá mua cổ phần có trách nhiệm tìm hiểu, đánh giá các thông tin về doanh nghiệp và chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình.

An Giang, ngày 18 tháng 9 năm 2018

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC LÀ CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG

**ĐẠI DIỆN QUẢN LÝ VỐN NHÀ NƯỚC TẠI
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG**

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



LƯƠNG VĂN BẠ

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC CÓ CỔ PHIẾU ĐƯỢC THOẢI VỐN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

TỔNG GIÁM ĐỐC



LÊ THÀNH BỬU

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY TNHH MTV CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐỒNG Á

TỔNG GIÁM ĐỐC



DUY THẾ QUANG

